

**ĐẠI HỌC DUY TÂN**  
**TRUNG TÂM TIN HỌC DUY TÂN**

**DANH SÁCH HỌC VIÊN DỰ THI ĐỢT 1 THÁNG 12/2025**  
**CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CHUẨN NÂNG CAO**  
**MÔN THI: KIẾN THỨC CHUNG**

Thời gian : 13h00 - 21/12/2025 - Phòng : 128 - Cơ sở: 209 Phan Thanh

| TT | MÃ HỌC VIÊN | HỌ VÀ TÊN               | NGÀY SINH  | NƠI SINH       | LỚP    | DL BT | SỐ MÁY | KÝ TÊN | ĐIỂM |     | GHI CHÚ |
|----|-------------|-------------------------|------------|----------------|--------|-------|--------|--------|------|-----|---------|
|    |             |                         |            |                |        |       |        |        | SỐ   | CHỮ |         |
| 1  | 28217538423 | Ngô Duy Hậu             | 28/03/2004 | Đà Nẵng        | 31CYC7 |       |        |        |      |     |         |
| 2  | 28203603700 | Võ Thị Lan Châu         | 08/06/2004 | Quảng Nam      | 31SSC6 |       |        |        |      |     |         |
| 3  | 28204602460 | Dương Bảo Châu          | 10/01/2004 | Quảng Ngãi     | 31SSC6 |       |        |        |      |     |         |
| 4  | 28203541399 | Lê Thị Linh Chi         | 07/11/2004 | Quảng Trị      | 31SSC6 |       |        |        |      |     |         |
| 5  | 28204601749 | Nguyễn Thị Bích Diệu    | 09/07/2004 | Bình Định      | 31SSC6 |       |        |        |      |     |         |
| 6  | 28206504631 | Hồ Thị Mỹ Dung          | 17/07/2004 | Đắk Lắk        | 31SSC6 |       |        |        |      |     |         |
| 7  | 28218105696 | Lê Hoàng Duy            | 03/06/2004 | Đà Nẵng        | 31SSC6 |       |        |        |      |     |         |
| 8  | 28208103584 | Phạm Thị Mỹ Duyên       | 09/10/2004 | Đắk Lắk        | 31SSC6 |       |        |        |      |     |         |
| 9  | 28208151980 | Phan Ngọc Xuân Hân      | 01/10/2004 | Bình Định      | 31SSC6 |       |        |        |      |     |         |
| 10 | 28204306169 | Trần Thị Ngọc Hiếu      | 07/03/2004 | Bình Định      | 31SSC6 |       |        |        |      |     |         |
| 11 | 28212751825 | Trần Việt Hùng          | 18/09/2004 | Bình Định      | 31SSC6 |       |        |        |      |     |         |
| 12 | 28208005201 | Phan Nguyễn Quỳnh Như   | 29/04/2004 | Đà Nẵng        | 31SSC6 |       |        |        |      |     |         |
| 13 | 29204634908 | Thượng Tô Mỹ Như        | 18/09/2005 | Quảng Ngãi     | 31SSC6 |       |        |        |      |     |         |
| 14 | 28204953969 | Huỳnh Phúc Ngân         | 13/01/2004 | Phú Yên        | 29CBN6 |       |        |        |      |     | Thi lại |
| 15 | 27202800585 | Bùi Thị Huyền           | 13/03/2003 | Hà Tĩnh        | 30CHT1 |       |        |        |      |     | Thi lại |
| 16 | 27203001346 | Nguyễn Ngọc Khánh Huyền | 09/04/2003 | Đắk Lắk        | 30CHT7 |       |        |        |      |     | Thi lại |
| 17 | 27202223776 | Nguyễn Thị Thành Tân    | 21/05/2003 | Quảng Ngãi     | 30TYC3 |       |        |        |      |     | Thi lại |
| 18 | 28202704925 | Nguyễn Thị Nhung        | 20/10/2004 | Thừa Thiên Huế | 31CBN6 |       |        |        |      |     | Thi lại |

Số học viên vắng : .....; Số học viên đình chỉ : .....; Số bài thi : .....; Số tờ : .....

LẬP BẢNG

GIÁM THI 1, 2, 3

GIÁM KHẢO 1, 2

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

Thời gian : 13h00 - 21/12/2025 - Phòng : 129 - Cơ sở: 209 Phan Thanh

| TT | MÃ HỌC VIÊN | HỌ VÀ TÊN              | NGÀY SINH  | NƠI SINH   | LỚP    | DL BT | SỐ MÁY | KÝ TÊN | ĐIỂM |     | GHI CHÚ  |
|----|-------------|------------------------|------------|------------|--------|-------|--------|--------|------|-----|----------|
|    |             |                        |            |            |        |       |        |        | SỐ   | CHỮ |          |
| 1  | 27211342202 | Nguyễn Trung Phúc      | 26/09/2003 | Quảng Ngãi | 31SSC6 |       |        |        |      |     |          |
| 2  | 29204139811 | Nguyễn Thị Minh Phương | 17/02/2005 | Gia Lai    | 31SSC6 |       |        |        |      |     |          |
| 3  | 28216235101 | Phùng Viết Quang       | 29/06/2004 | Đà Nẵng    | 31SSC6 |       |        |        |      |     |          |
| 4  | 28206254509 | Nguyễn Thị Diễm Quỳnh  | 02/01/2004 | Kon Tum    | 31SSC6 |       |        |        |      |     | Hoãn thi |
| 5  | 28212750109 | Trần Duy Thoại         | 03/01/2004 | Đà Nẵng    | 31SSC6 |       |        |        |      |     |          |
| 6  | 28204350021 | Lê Thị Thủy Tiên       | 24/06/2004 | Hà Tĩnh    | 31SSC6 |       |        |        |      |     |          |
| 7  | 28219731142 | Huỳnh Văn Tiến         | 29/07/2004 | Phú Yên    | 31SSC6 |       |        |        |      |     |          |
| 8  | 28218151935 | Phạm Quang Tiếp        | 13/11/2004 | Hưng Yên   | 31SSC6 |       |        |        |      |     |          |
| 9  | 28218100524 | Lê Công Viên           | 10/07/2004 | Hà Tĩnh    | 31SSC6 |       |        |        |      |     |          |
| 10 | 28208200774 | Trần Thị Minh Anh      | 04/12/2004 | Bình Định  | 31SYC6 |       |        |        |      |     |          |
| 11 | 28214552879 | Nguyễn Trường Giang    | 09/11/2004 | Quảng Trị  | 31SYC6 |       |        |        |      |     |          |
| 12 | 29204455077 | Nguyễn Khánh Giang     | 15/05/2005 | Đà Nẵng    | 31SYC6 |       |        |        |      |     |          |
| 13 | 28209446141 | Nguyễn Thị Thanh Hằng  | 11/12/2004 | Bình Định  | 31SYC6 |       |        |        |      |     |          |
| 14 | 28208201156 | Tổng Thị Mỹ Lệ         | 10/01/2004 | Bình Định  | 31SYC6 |       |        |        |      |     |          |
| 15 | 28207247210 | Nguyễn Thị Diễm Ly     | 17/06/2003 | Gia Lai    | 31SYC6 |       |        |        |      |     |          |
| 16 | 28204822751 | Nguyễn Hạ My           | 18/11/2004 | Quảng Nam  | 31SYC6 |       |        |        |      |     |          |
| 17 | 28208201878 | Đặng Thị My My         | 21/02/2004 | Quảng Ngãi | 31SYC6 |       |        |        |      |     |          |
| 18 | 28208054729 | Nguyễn Thị Việt Ngân   | 09/02/2004 | Phú Yên    | 31SYC6 |       |        |        |      |     |          |
| 19 | 28204405245 | Trần Thị Bích Ngọc     | 14/04/2004 | Đắk Lắk    | 31SYC6 |       |        |        |      |     |          |
| 20 | 28204154940 | Võ Thị Thu Nguyên      | 29/10/2004 | Đà Nẵng    | 31SYC6 |       |        |        |      |     |          |
| 21 | 28204602765 | Nguyễn Ngọc Nhi        | 23/07/2004 | Quảng Trị  | 31SYC6 |       |        |        |      |     |          |
| 22 | 28208005760 | Nguyễn Thị Phương Nhi  | 04/02/2004 | Quảng Trị  | 31SYC6 |       |        |        |      |     |          |
| 23 | 28204604412 | Võ Thị Lệ Quyên        | 20/12/2004 | Quảng Nam  | 31SYC6 |       |        |        |      |     |          |

Số học viên vắng : .....; Số học viên đình chỉ : .....; Số bài thi : .....; Số tờ : .....

LẬP BẢNG

GIÁM THỊ 1, 2, 3

GIÁM KHẢO 1, 2

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

Thời gian : 13h00 - 21/12/2025 - Phòng : 207 - Cơ sở: 209 Phan Thanh

| TT | MÃ HỌC VIÊN | HỌ VÀ TÊN              | NGÀY SINH  | NƠI SINH   | LỚP     | DL BT | SỐ MÁY | KÝ TÊN | ĐIỂM |     | GHI CHÚ  |
|----|-------------|------------------------|------------|------------|---------|-------|--------|--------|------|-----|----------|
|    |             |                        |            |            |         |       |        |        | SỐ   | CHỮ |          |
| 1  | 28208026109 | Trần Nguyễn Thanh Tâm  | 01/09/2004 | Quảng Nam  | 31SYC6  |       |        |        |      |     |          |
| 2  | 28204606714 | Dương Quỳnh Thư        | 06/02/2004 | Đà Nẵng    | 31SYC6  |       |        |        |      |     |          |
| 3  | 28205102580 | Lê Thị Anh Thư         | 04/05/2004 | Quảng Nam  | 31SYC6  |       |        |        |      |     |          |
| 4  | 28207103209 | Vũ Thị Thu Thúy        | 26/05/2004 | Bình Phước | 31SYC6  |       |        |        |      |     |          |
| 5  | 28204850602 | Nguyễn Lê Ngọc Trang   | 20/05/2004 | Đắk Lắk    | 31SYC6  |       |        |        |      |     |          |
| 6  | 28206725679 | Trần Thị Thùy Trang    | 06/05/2004 | Quảng Nam  | 31SYC6  |       |        |        |      |     |          |
| 7  | 28208142242 | Trần Thị Thùy Trang    | 22/01/2004 | Đà Nẵng    | 31SYC6  |       |        |        |      |     |          |
| 8  | 28209424381 | Nguyễn Thị Minh Trường | 06/03/2004 | Khánh Hòa  | 31SYC6  |       |        |        |      |     |          |
| 9  | 28208202598 | Phan Thị Thu Tuyền     | 20/08/2004 | Đà Nẵng    | 31SYC6  |       |        |        |      |     |          |
| 10 | 28209445558 | Trần Thị Phương Tuyền  | 10/05/2004 | Quảng Nam  | 31SYC6  |       |        |        |      |     |          |
| 11 | 29206759011 | Hà Thị Lý Anh          | 19/06/2005 | Bình Định  | 31THT13 |       |        |        |      |     | Hoãn thi |
| 12 | 28205206909 | Lê Ra Ayun             | 17/03/2004 | Đắk Lắk    | 31THT13 |       |        |        |      |     |          |
| 13 | 28204354936 | Nguyễn Thị Kim Chi     | 10/04/2004 | Hà Tây     | 31THT13 |       |        |        |      |     |          |
| 14 | 29204355233 | Bùi Thị Tố Chi         | 29/03/2005 | Quảng Nam  | 31THT13 |       |        |        |      |     |          |
| 15 | 28206602051 | Lê Thị Huyền Diệu      | 11/06/2004 | Đà Nẵng    | 31THT13 |       |        |        |      |     |          |
| 16 | 29206524141 | Nguyễn Thị Hồng Hạnh   | 01/06/2001 | Đà Nẵng    | 31THT13 |       |        |        |      |     |          |
| 17 | 28214425119 | Võ Phước Hiệu          | 20/07/2004 | Quảng Trị  | 31THT13 |       |        |        |      |     |          |
| 18 | 29206720448 | Đinh Thị Diệu Huyền    | 05/09/2005 | Gia Lai    | 31THT13 |       |        |        |      |     |          |
| 19 | 28208103017 | Dương Thị Ngọc Mỹ      | 01/01/2003 | Quảng Ngãi | 31THT13 |       |        |        |      |     |          |

Số học viên vắng : .....; Số học viên đình chỉ : .....; Số bài thi : .....; Số tờ : .....

LẬP BẢNG

GIÁM THI 1, 2, 3

GIÁM KHẢO 1, 2

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

Thời gian : 13h00 - 21/12/2025 - Phòng : 606 - Cơ sở: 209 Phan Thanh

| TT | MÃ HỌC VIÊN | HỌ VÀ TÊN             | NGÀY SINH  | NƠI SINH   | LỚP     | DL BT | SỐ MÁY | KÝ TÊN | ĐIỂM |     | GHI CHÚ |
|----|-------------|-----------------------|------------|------------|---------|-------|--------|--------|------|-----|---------|
|    |             |                       |            |            |         |       |        |        | SỐ   | CHỮ |         |
| 1  | 28209406385 | Nguyễn Kim Ngân       | 25/01/2004 | Gia Lai    | 31THT13 |       |        |        |      |     |         |
| 2  | 28204304990 | Phan Lê Bảo Ngọc      | 18/03/2004 | Đà Nẵng    | 31THT13 |       |        |        |      |     |         |
| 3  | 28206604259 | Nguyễn Trương Yến Nhi | 26/10/2004 | Đà Nẵng    | 31THT13 |       |        |        |      |     |         |
| 4  | 28208022928 | Trần Thị Yến Nhi      | 03/04/2004 | Gia Lai    | 31THT13 |       |        |        |      |     |         |
| 5  | 29206522436 | Lê Thị Hà Phúc        | 18/08/2005 | Hà Tĩnh    | 31THT13 |       |        |        |      |     |         |
| 6  | 28214642420 | Đoàn Minh Quân        | 26/06/2004 | Đà Nẵng    | 31THT13 |       |        |        |      |     |         |
| 7  | 28214643772 | Võ Anh Quân           | 30/03/2004 | Hà Tĩnh    | 31THT13 |       |        |        |      |     |         |
| 8  | 28208001719 | Nguyễn Thị Như Quỳnh  | 14/10/2004 | Đắk Nông   | 31THT13 |       |        |        |      |     |         |
| 9  | 29206565183 | Nguyễn Thị Thu Thảo   | 10/07/2005 | Quảng Ngãi | 31THT13 |       |        |        |      |     |         |
| 10 | 29206551025 | Hồ Hoài Thương        | 19/09/2005 | Hà Tĩnh    | 31THT13 |       |        |        |      |     |         |
| 11 | 28214402370 | Đỗ Quốc Tiến          | 22/07/2003 | Lâm Đồng   | 31THT13 |       |        |        |      |     |         |
| 12 | 28204643774 | Lê Thùy Trang         | 06/12/2004 | Hà Tĩnh    | 31THT13 |       |        |        |      |     |         |
| 13 | 29214361487 | Võ Quốc Trung         | 13/05/2005 | Quảng Nam  | 31THT13 |       |        |        |      |     |         |
| 14 | 28218042877 | Huỳnh Ngọc Tuyết      | 29/07/2004 | Đà Nẵng    | 31THT13 |       |        |        |      |     |         |
| 15 | 28214650521 | Lê Vũ                 | 17/11/2002 | Quảng Nam  | 31THT13 |       |        |        |      |     |         |
| 16 | 28204900866 | Nguyễn Thị Như Ý      | 21/07/2004 | Đắk Nông   | 31THT13 |       |        |        |      |     |         |
| 17 | 28206500883 | Võ Thị Gia Lưu        | 03/10/2004 | Quảng Nam  | 31THT2  |       |        |        |      |     | Thi lại |
| 18 | 27203727127 | Trần Uyển Khanh       | 22/09/2003 | Quảng Trị  | 31TSC1  |       |        |        |      |     | Lần 1   |
| 19 | 27203735758 | Dương Thùy Trang      | 26/08/2003 | Thanh Hóa  | 31TSC1  |       |        |        |      |     | Lần 1   |
| 20 | 27211348932 | Võ Văn Nhật           | 01/05/2003 | Quảng Nam  | 31TSC8  |       |        |        |      |     | Lần 1   |
| 21 | 28205236715 | Nguyễn Thị Tố Nga     | 05/07/2004 | Quảng Nam  | 31TYC1  |       |        |        |      |     | Thi lại |
| 22 | 28207100598 | Phan Thị Trang        | 08/05/2004 | Quảng Bình | 31TYC5  |       |        |        |      |     | Thi lại |

Số học viên vắng : .....; Số học viên đình chỉ : .....; Số bài thi : .....; Số tờ : .....

**LẬP BẢNG**

**GIÁM THỊ 1, 2, 3**

**GIÁM KHẢO 1, 2**

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**